TOÀ ÁN ND Q.SƠN TRÀ
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42**/2021/DS-ST
Ngày 28.12.2021
V/v *"kiện đòi tiền"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thanh Thủy.**
Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Vũ Thị Lệ Thủy và ông Nguyễn Văn Đích**
- Thư ký phiên toà: **Bà Nguyễn Thị Xuân** - Thư ký Toà án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng tham gia phiên toà: **Bà Trần Thị Hương T** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về "*Tranh chấp kiện đòi tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2021/QĐXXST-DS ngày 22.11.2021, quyết định hoãn phiên tòa số 129/2021/QĐST-HN ngày 22.11.2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn**:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1969; Địa chỉ: K162/2 TĐ, phường M, quận S, TP Đà Nẵng. Có mặt

***Bị đơn**:* Bà Lâm Thị Bích V, sinh năm 1983; Địa chỉ: K3 PĐC H11/01, tổ 40 MLĐ, phường MT, quận S, TP Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:**

Tôi và bà Lâm Thị Bích V là bạn bè quen biết, vào năm 2019 do thiếu vốn để mua đồ đi biển nên tôi có cho bà Lâm Thị Bích V mượn 56.000.000 đồng, để đảm bảo cho việc mượn tiền này bà Lâm Thị Bích V đã viết một giấy mượn tiền thể hiện " *tôi tên là Lâm Thị Bích V có mượn chị T số tiền 56.000.000 đồng*", trong thời gian mượn bà V đã trả được số tiền 11.000.000 đồng. Nay bà V còn nợ tôi số tiền 45.000.000 đồng. Do đòi nợ nhiều lần không được nên tôi khởi kiện yêu cầu bà V phải thanh toán số tiền còn nợ là 45.000.000 đồng và không tính lãi.

*** Bị đơn là bà Lâm Thị Bích V** không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà:**

- Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn bà Lê Thị T kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn bà Lâm Thị Bích V không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

-Về nội dung vụ án: Theo lời trình bày của nguyên đơn và Giấy vay tiền (không ngày tháng) do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung bà Lâm Thị Bích V có mượn bà Lê Thị T số tiền 56,000,000 đồng, bà V ký tên xác nhận. Như vậy, có đủ căn cứ xác định năm 2019 bà T có cho bà V vay số tiền 56.000.000 đồng. Do đó, đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 463 và 469 BLDS buộc bà Lâm Thị Bích V phải có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T số tiền 450.000.000 đồng.

Về yêu cầu tiền lãi: Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị T không yêu cầu tính lãi nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp ly hôn bà Lê Thị T và bà Lâm Thị Bích V Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 22.11.2021 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích V, nhưng bà Lâm Thị Bích V vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Lâm Thị Bích V.

[2].Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T và bà Lâm Thị Bích V thì thấy:

Quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Thị Bích V không văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do bà Lê Thị T cung cấp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

- Về khoản tiền nợ, nguyên đơn bà Lê Thị T xuất trình cho Tòa án 01 chứng cứ là: giấy nhận không thể hiện ngày, tháng, năm với nội dung " *Tôi tên là Lâm Thị Bích V, sinh năm 1983 có mượn chị T 56.000.000 đồng*" ký tên bà Lâm Thị Bích V. Ngày 29.7.2021 bà Lê Thị T đã có thông báo gửi cho bà Lâm Thị Bích V yêu cầu bà V phải thanh toán dứt điểm số tiền trên trong thời hạn 10 ngày. Trong quá trình mượn tiền bà Lâm Thị Bích V đã trả cho bà Lê Thị T số tiền 11.000.000

đồng. Nay số tiền bà V còn nợ là 45.000.000 đồng. Việc vay mượn giữa hai bên là tự nguyện, hai bên không xác định thời hạn vay, nên đây được xem là hợp đồng vay không kỳ hạn,

Bị đơn, bà Lâm Thị Bích V đã được Toà án thông báo về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T trong thông báo thụ lý và thông báo công khai chứng cứ, nội dung những vấn đề hoà giải trong các thông báo hoà giải nhưng đã không có ý kiến, không xuất trình tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả số tiền còn nợ, cũng như không phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia hòa giải.

Các bên đương sự đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thoả Tận của hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên là hợp pháp phù hợp theo quy định của pháp luật, bà Lâm Thị Bích V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc bà Lê Thị T khởi kiện là có căn cứ. Do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T buộc bà Lâm Thị Bích V phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 45.000.000 đồng (*bốn mươi lăm triệu đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 469 BLDS.

-Về tiền lãi: Bà Lê Thị T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.4] ***Về án phí:*** Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí DS sơ thẩm là 2.250.000 đồng bà Lâm Thị Bích V phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Các Điều 463, 469 Bộ luật Dân sự;

- khoản 2 Điều 227, các điều 235 và 273 Bộ luật TTDS.

-khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T đối với bà Lâm Thị Bích V về việc "*Tranh chấp đòi tiền*".

Xử: Buộc bà Lâm Thị Bích V phải thanh toán cho bà Lê Thị T số tiền là **45.000.000 đồng** *(bốn mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 2.250.000 đồng (*hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*) bà Lâm Thị Bích V phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị T số tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng (*mười bốn triệu đồng*) đã nộp tại biên lai T số 0003036 ngày 25.10.2021.2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Riêng những người vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát Sơn Trà;
- Chi cụcThi hành án Sơn Trà;
- Sở Tư pháp
- Hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Thủy